

**SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 317 /BVNTBN-D-TTBYT
V/v mời báo giá vật tư xét nghiệm, hóa chất
phục vụ khám chữa bệnh năm 2025- 2026
của Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh.

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu:
"Mua vật tư xét nghiệm, hóa chất phục vụ khám chữa bệnh năm 2025- 2026 của Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. *Đơn vị yêu cầu báo giá:* Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh.

Địa chỉ: Đường Mỹ Cầu, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:*

- Họ tên: Đoàn Chúc Thương

- Chức vụ: Nhân viên khoa Dược - TTBYT

- Điện thoại: 0985.38.85.85

3. *Cách thức tiếp nhận báo giá:*

Nhận trực tiếp trong giờ hành chính (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Khoa Dược - TTBYT, Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh. (Địa chỉ: Đường Mỹ Cầu, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.)

Đồng thời các đơn vị gửi bản scan email: baogiabvntbg@gmail.com

4. *Thời hạn tiếp nhận báo giá:*

Từ ngày 29/10/2025 đến trước 14h ngày 10/11/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. *Thời hạn có hiệu lực của báo giá:* Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 10/11/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của vật tư xét nghiệm, hóa chất được đề nghị mua sắm: *chi tiết theo phụ lục đính kèm.*

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá:

- Địa điểm thực hiện : Giao tại kho của Khoa Dược – TTBYT, Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh.

- Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện.

- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh (Giao hàng trong giờ hành chính)

3. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%.

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)....Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Lãnh đạo đơn vị;
- Đăng tải website bệnh viện, muasamcong.moi.gov.vn
- Lưu: VT. KD



PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /BVNTBN-D-TTBYT ngày 29 tháng 10 năm 2025
của Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất xét nghiệm PT	Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định thời gian prothrombin trong huyết tương người. Thành phần tối thiểu gồm: bột não thỏ, canxi clorua, Mannitol, albumin huyết thanh bò, đệm Tris. Đóng gói $\leq 48\text{ml/hộp}$	ml	96
2	Hóa chất xét nghiệm APTT	Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) của huyết tương người. Khoảng tham chiếu: 27-45 giây Thành phần tối thiểu gồm: cephalin, silica, CHAPS, mannitol; Dung dịch CaCl_2 . Đóng gói $\leq 24\text{ml/hộp}$	ml	96
3	Hóa chất xét nghiệm FIB	Dùng cho máy phân tích đông máu để xác định hàm lượng Fibrinogen (FIB) trong huyết tương người. Thành phần tối thiểu gồm: Thrombin, Canxi clorua, mannitol, và albumin huyết thanh bò; đệm imidazole. Khoảng tham chiếu: $2.0\text{g/L}-4.0\text{g/L}$ Đóng gói $\leq 37\text{ml/hộp}$	ml	148
4	Hóa chất kiểm soát chất lượng mức 1 cho các xét nghiệm đông máu	Dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm soát chất lượng ở cấp độ 1 đối với các xét nghiệm xác định thời gian Prothrombin (PT), thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT), hàm lượng fibrinogen (FIB) và thời gian thrombin (TT) Thành phần tối thiểu gồm: Huyết tương lợn, albumin huyết thanh bò và natri benzoat. Đóng gói $\leq 12\text{ml/hộp}$	ml	12
5	Hóa chất kiểm soát chất lượng mức 2 cho các xét nghiệm đông máu	Dùng cho máy phân tích đông máu để kiểm soát chất lượng ở cấp độ 2 đối với các xét nghiệm xác định thời gian Prothrombin (PT), thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT), hàm lượng fibrinogen (FIB) và thời gian thrombin (TT) Thành phần tối thiểu gồm: Huyết tương lợn, albumin huyết thanh bò và natri benzoat. Đóng gói $\leq 12\text{ml}$	ml	12
6	Dung dịch rửa máy đông máu	Dùng cho máy phân tích đông máu để bảo trì và làm sạch kim hút Thành phần tối thiểu gồm: Nước tinh khiết, Natri hydroxit, Chất hoạt động bề mặt, Chất ổn định, Chất bảo quản. Đóng gói $\leq 180\text{ml/hộp}$	ml	360

7	Dung dịch rửa máy đông máu	Dùng cho máy phân tích đông máu để bảo trì và làm sạch đường ống Thành phần tối thiểu gồm: Nước tinh khiết, chất bảo quản Đóng gói $\leq 100\text{ml/hộp}$	ml	1.200
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 8,5 \text{ U/L}$; Giới hạn tuyến tính: $\geq 500 \text{ U/L}$. Đóng gói $\leq 600\text{ml/hộp}$	ml	2.400
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 7,15 \text{ U/L}$; Giới hạn tuyến tính: $\geq 500 \text{ U/L}$. Đóng gói $\leq 600\text{ml/hộp}$	ml	2.400
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 4,2 \text{ mg/dL}$ ($0,109 \text{ mmol/L}$); Giới hạn tuyến tính: $\geq 1000 \text{ mg/dL}$ (26 mmol/L). Đóng gói $\leq 600\text{ml/hộp}$	ml	1.200
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglycerid trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,067 \text{ mmol/L}$; Giới hạn tuyến tính: $\geq 6,78 \text{ mmol/L}$. Đóng gói $\leq 600\text{ml/hộp}$	ml	1.200
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 3,6 \text{ mg/dL}$ ($0,199 \text{ mmol/L}$); Giới hạn tuyến tính: $\geq 500 \text{ mg/dL}$ ($27,5 \text{ mmol/L}$). Đóng gói $\leq 600\text{ml/hộp}$	ml	5.400
13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-C	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,04 \text{ mmol/L}$; Giới hạn tuyến tính: $\geq 18,1 \text{ mmol/L}$. Đóng gói $\leq 160\text{ml/hộp}$	ml	1.600
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-C	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,07 \text{ mmol/L}$; Giới hạn tuyến tính: $\geq 4,66 \text{ mmol/L}$. Đóng gói $\leq 320\text{ml/hộp}$	ml	1.920
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ure trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 3,69 \text{ mg/dL}$; Giới hạn tuyến tính: $\geq 300 \text{ mg/dL}$. Đóng gói $\leq 600\text{ml/hộp}$	ml	1.200

16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinin trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,04$ mg/dL; Giới hạn tuyến tính: ≥ 20 mg/dL. Đóng gói ≤ 600 ml/hộp	ml	1.800
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng calci toàn phần trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Loại mẫu: huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,105$ mmol/L; Giới hạn tuyến tính: $\geq 4,5$ mmol/L. Đóng gói ≤ 600 ml/hộp	ml	600
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,211$ mg/dL ($3,61 \mu\text{mol/L}$); Giới hạn tuyến tính: ≥ 38 mg/dL ($650 \mu\text{mol/L}$) Đóng gói ≤ 600 ml/hộp	ml	300
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,09$ mg/dL; Giới hạn tuyến tính: ≥ 15 mg/dL. Đóng gói ≤ 300 ml/hộp	ml	300
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Giới hạn định lượng: $\geq 3,72$ g/L. Đóng gói ≤ 255 ml/hộp	ml	300
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Giới hạn phát hiện: $\leq 0,8$ g/L; Giới hạn tuyến tính: ≥ 150 g/L. Đóng gói ≤ 160 ml/hộp	ml	300
22	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ≥ 35 thông số sinh hóa; Thành phần: Huyết thanh người đông khô. Đóng gói ≤ 25 ml/hộp	ml	25
23	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng ≥ 35 thông số sinh hóa; Thành phần: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người. Đóng gói ≤ 25 ml/hộp	ml	100
24	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng ≥ 35 thông số sinh hóa; Thành phần: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người. Đóng gói ≤ 25 ml/hộp	ml	100

	từ huyết thanh người mức 2			
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Mẫu máu người. Giới hạn phát hiện: ≤ 6 mmol/mol; Giới hạn tuyến tính: ≥ 140 mmol/mol. Đóng gói ≤ 72 ml/hộp	ml	648
26	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1C; Thành phần: Máu người. Đóng gói ≤ 2 ml/hộp	ml	2
27	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bệnh lý	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1C; Thành phần: Máu ly giải hồng cầu (người, dạng đông khô). Đóng gói ≤ 2 ml/hộp	ml	1
28	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bình thường	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1C; Thành phần: Máu ly giải hồng cầu (người, dạng đông khô). Đóng gói ≤ 2 ml/hộp	ml	1
29	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần tối thiểu gồm: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Đóng gói ≤ 5 lít/can (thùng, bình...)	lít	15
30	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng thyroxine tự do (FT4) trên máy miễn dịch tự động. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 10 ng/dL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	23.000
31	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng hormon kích thích tuyến giáp (TSH) trên máy miễn dịch tự động. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 100 mIU/mL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	23.000
32	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng triiodothyronin toàn phần (T3) trên máy miễn dịch tự động. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 800 ng/dL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	1.800
33	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng FT3, FT4, T3, T4, TSH	Vật liệu kiểm soát mức 1 được sử dụng để kiểm soát chất lượng của các kết quả xét nghiệm tuyến giáp (FT3, FT4, T3, T4 và TSH) trên máy miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm hormone T3, T4, TSH, huyết thanh người. Đóng gói: ≤ 20 ml/hộp	ml	20

34	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng FT3, FT4, T3, T4, TSH	Vật liệu kiểm soát mức 2 được sử dụng để kiểm soát chất lượng của các kết quả xét nghiệm tuyến giáp (FT3, FT4, T3, T4 và TSH) trên máy miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm hormone T3, T4, TSH, huyết thanh người. Đóng gói: $\leq 20\text{ml/hộp}$	ml	20
35	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng FT3, FT4, T3, T4, TSH	Vật liệu kiểm soát mức 3 được sử dụng để kiểm soát chất lượng của các kết quả xét nghiệm tuyến giáp (FT3, FT4, T3, T4 và TSH) trên máy miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm hormone T3, T4, TSH, huyết thanh người. Đóng gói: $\leq 20\text{ml/hộp}$	ml	20
36	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch.	Dung dịch dùng để rửa hệ thống kim hút và ống của máy miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm dung dịch đệm phosphate. Đóng gói: $\leq 6\text{ lít/hộp}$	Lít	24
37	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch được sử dụng để kiểm tra tính hợp lệ của hóa chất dùng để tạo tín hiệu hóa phát quang, cũng như hoạt động của bộ phận đo và hút mẫu. Bột đông khô cần hoàn nguyên. Đóng gói: $\leq 24\text{ml/hộp}$	ml	12
38	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch	Bộ sản phẩm được sử dụng để làm sạch ống và kim rửa cho máy miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm CLEAN Integrals (gồm các lọ dung dịch rửa) và CLEAN Solution vial (chứa dung dịch natri hypochlorit). Bộ sản phẩm đủ dùng cho ít nhất 20 phiên bảo dưỡng thiết bị.	hộp	2
39	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Hóa chất dùng để tạo tín hiệu hóa phát quang, cho phép bộ phận nhân quang của máy miễn dịch tự động phát hiện phản ứng miễn dịch. Thành phần tối thiểu gồm: chất xúc tác (deuteroferriheme) trong dung dịch natri hydroxid, dung dịch hydrogen peroxid Đóng gói $\leq 1380\text{ml}$	ml	27.600
40	Đầu côn dùng một lần sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn dùng một lần được sử dụng trên máy miễn dịch tự động	chiếc	53.000
41	Cốc chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Vật chứa mẫu được sử dụng trên máy miễn dịch tự động	chiếc	53.000
42	Hóa chất xét nghiệm định lượng TG	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng thyroglobulin (Tg) người trên máy miễn dịch tự động. Loại mẫu tối thiểu gồm huyết thanh người và huyết tương người. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Thành phần tối thiểu gồm hạt từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng thyroglobulin người; chất hiệu chuẩn 1,	Test	300

		mức thấp: thyroglobulin (từ tuyến giáp người); chất hiệu chuẩn 2, mức cao: thyroglobulin (từ tuyến giáp người); chất cộng hợp: kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng thyroglobulin người gắn isoluminol. Dải đo trong khoảng từ 0,1 đến 500 ng/mL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp		
43	Hóa chất xét nghiệm định lượng anti-TG	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng thyroglobulin (Tg) trên máy miễn dịch tự động. Loại mẫu tối thiểu gồm huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Thành phần tối thiểu gồm hạt từ phủ kháng nguyên Tg (người); chất hiệu chuẩn 1: kháng thể kháng Tg từ huyết thanh người nồng độ thấp; chất hiệu chuẩn 2: kháng thể kháng Tg từ huyết thanh người nồng độ cao; chất cộng hợp: kháng thể đa dòng (dê) kháng IgG người, đánh dấu với isoluminol. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 5000 IU/mL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	500
44	Hóa chất xét nghiệm định lượng anti-TPO	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng kháng thể tự miễn kháng thyroid peroxidase (TPO) trên máy miễn dịch tự động. Loại mẫu tối thiểu gồm huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Thành phần tối thiểu gồm hạt từ phủ kháng nguyên TPO (tái tổ hợp); chất hiệu chuẩn 1: huyết thanh người (mẫu trộn - pool) chứa kháng thể kháng TPO ở nồng độ thấp; chất hiệu chuẩn 2: huyết thanh người (mẫu trộn - pool) chứa kháng thể kháng TPO ở nồng độ cao; chất cộng hợp: kháng thể đa dòng (dê) kháng IgG người gắn với isoluminol. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 2000 IU/ml. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	300
45	Hóa chất xét nghiệm định lượng C-peptid	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng C-Peptid trên máy miễn dịch tự động. Loại mẫu tối thiểu gồm huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Thành phần tối thiểu gồm hạt từ được phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng C-peptid (người); chất hiệu chuẩn 1, mức thấp, chứa: C-peptid (người); Chất hiệu chuẩn 2, mức cao, chứa: C-peptid (người); chất cộng hợp chứa: kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng C-peptid (người) được gắn với isoluminol. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 30 ng/mL (với mẫu huyết thanh) và trong khoảng từ 0 đến	Test	300

		≥ 300 ng/mL (với mẫu nước tiểu). Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp		
46	Hóa chất xét nghiệm định lượng insulin	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng insulin trên máy miễn dịch tự động. Loại mẫu tối thiểu gồm mẫu huyết thanh và huyết thanh người. Nguyên lý miễn dịch hóa phát quang. Thành phần tối thiểu gồm hạt từ (dạng hỗn dịch) phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng insulin; chất cộng hợp: kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng insulin được liên kết với một dẫn xuất isoluminol, kháng thể IgG (chuột) không đặc hiệu; chất hiệu chuẩn A: Insulin người bán tổng hợp (được chuẩn bị từ insulin lợn bằng phương pháp enzyme), huyết thanh người không chứa insulin; chất hiệu chuẩn B: Insulin người bán tổng hợp (được chuẩn bị từ insulin lợn bằng phương pháp enzyme), huyết thanh người không chứa insulin. Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 500 μ IU/mL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	500
47	Hóa chất xét nghiệm định lượng cortisol	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn được sử dụng để thực hiện xét nghiệm định lượng cortisol trên dòng máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Loại mẫu tối thiểu gồm huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Nguyên lý SPALT (kỹ thuật liên kết với kháng nguyên trên pha rắn – Solid Phase Antigen Linked Technique). Thành phần tối thiểu gồm hạt từ được phủ phức hợp cortisol - protein; albumin huyết thanh bò (BSA); chất hiệu chuẩn 1 và 2: huyết thanh người (không chứa các hormon steroid khác); chất cộng hợp: kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng cortisol được gắn với isoluminol, kháng thể IgG (chuột). Dải đo trong khoảng từ 0 đến ≥ 80 μ g/dL. Đóng gói: ≤ 100 xét nghiệm/hộp	Test	600
48	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm miễn dịch C-peptid, Insulin, Costisol	Vật liệu kiểm soát ≥ 50 thông số xét nghiệm miễn dịch bao gồm chất chỉ điểm khối u, thuốc điều trị và các xét nghiệm miễn dịch thông thường; Sản phẩm được cung cấp ở dạng đông khô; Thành phần: 100% huyết thanh người; Chứa các thông số chỉ điểm khối u thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Đóng gói: ≤ 60 mL/hộp	ml	20

49	Cốc đựng mẫu	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene; Dung tích 2mL; Đáy hình nón	Chiếc	1.000
50	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Phương pháp xét nghiệm: Competitive. Dải đo: từ ≤ 0.25 đến ≥ 8.0 ng/mL. Đóng gói: ≤ 100 test/hộp	Test	600
51	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Phương pháp xét nghiệm: Competitive. Dải đo: từ ≤ 3.00 đến ≥ 60 pg/mL. Đóng gói: ≤ 100 test/hộp	Test	10.000
52	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Phương pháp xét nghiệm: Sandwich. Dải đo: từ ≤ 0.01 đến ≥ 100 μ IU/mL. Đóng gói: ≤ 100 test/hộp	Test	10.000
53	Thuốc thử kiểm chuẩn chung cho các xét nghiệm miễn dịch	Thuốc thử kiểm chuẩn chung cho các xét nghiệm miễn dịch, thành phần tối thiểu chứa: hormon T3, FT4, TSH, huyết thanh người, 0,1% ProClin 300. Đóng gói ≤ 12 ml.	ml	12
54	Nước rửa cho máy miễn dịch	Nước rửa cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động, thành phần tối thiểu gồm: đệm phosphat với 0,05% ProClin 300. Đóng gói: ≤ 10 lít/ hộp	Lít	800
55	Cơ chất phát quang dùng cho giai đoạn tiền phản ứng miễn dịch	Cơ chất phát quang dùng cho giai đoạn tiền phản ứng miễn dịch, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm: dung dịch hydro peroxyd. Đóng gói: ≤ 3600 ml/ hộp	ml	3.600
56	Cơ chất phát quang dùng cho phản ứng miễn dịch	Cơ chất phát quang dùng cho phản ứng miễn dịch, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm: dung dịch Natri hydroxid. Đóng gói: ≤ 3600 ml/hộp	ml	7.200
57	Giếng phản ứng sử dụng cho máy miễn dịch	Giếng phản ứng, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Đóng gói: ≤ 2000 cái/hộp	Cái	21.000
58	Nước rửa kim máy miễn dịch	Sử dụng để bảo trì thường xuyên cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Thành phần tối thiểu gồm: NACLO. Đóng gói: ≤ 90 ml/hộp	ml	225
59	Hóa chất pha loãng máy huyết học	Dùng để pha loãng máu cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 7,35 đến 7,55 Thành phần tối thiểu: Sodium chloride 0,44%, Sodium sulphate anhydrous 0,97%, K2-EDTA $\geq 0,03\%$; sodium tetraborate $< 0,09\%$ Độ ổn định sau khi mở nắp: Sử dụng trong vòng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp.	lít	550

60	Hóa chất ly giải dùng cho máy huyết học	Dùng làm chất ly giải cho các máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 4 đến 7. Tính tan: tan trong nước Thành phần tối thiểu: muối Amoni bậc 4 $\geq 3,7\%$ Độ ổn định sau khi mở nắp: Sử dụng trong vòng ≥ 90 ngày sau khi mở nắp.	lít	6
61	Hóa chất rửa máy huyết học	Dùng làm chất rửa cho các máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 7,7 đến 8,3. Tính tan: tan trong nước Thành phần tối thiểu gồm: Polyoxyethylene tridecylether; Polyoxyethylene nonylphenyl ether; Độ ổn định sau khi mở nắp: Sử dụng trong vòng ≥ 180 ngày sau khi mở nắp.	lít	40
62	Hóa chất rửa đậm đặc	Dùng làm chất rửa đậm đặc cho các máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 10 đến 13. Tính tan: tan trong nước. Thành phần tối thiểu: Sodium hypochlorite Độ ổn định sau khi mở nắp: Sử dụng trong vòng ≥ 90 ngày sau khi mở nắp.	lít	20
63	Hóa chất ly giải dùng cho máy huyết học	Dùng làm chất ly giải 5 thành phần bạch cầu cho các máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Độ pH: 7.5 đến 9.5. Tính tan: tan trong nước. Thành phần tối thiểu: dung dịch hoạt động bề mặt anion chứa Sodium alkyl ether sulphate Độ ổn định sau khi mở nắp: Sử dụng trong vòng ≥ 30 ngày sau khi mở nắp.	lít	3.5
64	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	Dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu	ml	3
65	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu	ml	3
66	Dung dịch hồng cầu mẫu	Hồng cầu mẫu được sử dụng để xác định nhóm ABO chiều ngược trong kỹ thuật gel. Xét nghiệm được thực hiện thủ công. Thành phần tối thiểu: gồm hỗn dịch 0,8% sẵn sàng sử dụng từ các tế bào hồng cầu người thuộc nhóm máu A1, B; các tế bào ở trong dung dịch có chất đệm và chất bảo quản (neomycin, cloramphenicol). Đóng gói: ≤ 20 mL/ bộ	bộ	8
67	Ống eppendorf	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp liền, chất liệu nhựa, loại 1,5ml	Chiếc	1.500

Phụ lục: Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh

Căn cứ yêu cầu báo giá số: /BVNTBN-D-TTBYT ngày tháng năm 2025 của **Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh**, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho hàng hoá và dịch vụ liên quan:

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Tên vật tư, hóa chất	Tên thương mại (nếu có)	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã hiệu, model	Hãng sản xuất- Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu/ Nước chủ sở hữu	Mã HS	Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có thuế (VND)	Thành tiền (VND)
1													
2													
		Tổng cộng											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày 10/11/2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

- Hàng hóa mới 100%, thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất tại nơi sử dụng.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA HÃNG SẢN XUẤT/

NHÀ CUNG CẤP⁽¹²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)